TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:12/2020/KDTM-ST
Ngày: 24 - 6 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thiện;

2. Bà Huỳnh Ngọc Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang – là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 14/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng thi công theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH A (Việt Nam), địa chỉ trụ sở: Lô B2.1, đường C4, khu công nghiệp C, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh, người đại diện hợp pháp ông Bùi Phúc Th, sinh năm 1979, nơi thường trú: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/9/2019). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH một thành viên B; địa chỉ trụ sở chính: Số T16/13, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp ông Võ Thành V, sinh năm 1991, nơi thường trú: Số 93, ấp A, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương, chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc - là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Bùi Phúc Th trình bày:

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 Công ty TNHH A (Việt Nam) (viết tắt là Công ty A) và Công ty TNHH một thành viên B (viết tắt là Công ty B) có ký Hợp đồng số: WY-XY 20190604001. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì Công ty B nhận thi công văn

phòng tạm thời ở hiện trường của Công ty A tại địa chỉ Lô B2.1 đường C4, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tổng số tiền thi công là 663.460.000 đồng. Phương thức thanh toán: Sau khi ký kết hợp đồng Công ty A thanh toán 50% tổng số tiền hợp đồng trong vòng 7 ngày, sau khi hoàn thành công trình thì Công ty A thanh toán 40% tổng số tiền trên hợp đồng trong vòng 7 ngày, 03 (ba) tháng sau thanh toán hết 10% tổng số tiền hợp đồng trong vòng 15 ngày cho Công ty B. Thời gian thi công công trình là 20 ngày từ ngày 07 tháng 6 năm 2019 đến ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 Công ty A đã thanh toán số tiền 331.730.000 đồng vào tài khoản số 0281000581259 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương chi nhánh Bình Dương cho Công ty B. Tuy nhiên, từ khi thanh toán số tiền trên Công ty B không thực hiện thi công công trình theo hợp đồng và cũng không đồng ý trả lại số tiền 331.730.000 đồng mà Công ty A đã thanh toán. Do đó, Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B thanh toán toàn bộ số tiền 331.730.000 đồng cho Công ty A.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng số: WY-XY 20190604001 ngày 04/6/2019; ủy nhiệm chi ngày 11/6/2019.

Bị đơn - Công ty B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 208 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Bùi Phúc Thạch có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hợp đồng số: WY-XY 20190604001 ngày 04/6/2019 giữa Công ty TNHH A (Việt Nam) và Công ty TNHH một thành viên B xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng thi công theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và công văn số 256/ĐKKD ngày 13/3/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương xác định bị đơn Công ty TNHH một thành viên B có địa chỉ trụ sở chính tại số T16/13, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An theo quy định tại điểm b

khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng thi công văn phòng tạm thời tại hiện trường thể hiện tại hợp đồng số WY-XY 20190604001 ngày 04/6/2019. Bên nguyên đơn là bên thuê thi công, bị đơn là bên nhận thi công. Công trình thi công là văn phòng tạm thời ở hiện trường của Công ty A tại địa chỉ Lô B2.1 đường C4, xã H, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Quá trình thực hiện, ngày 11 tháng 6 năm 2019 Công ty A đã thanh toán số tiền 331.730.000 đồng vào tài khoản số 0281000581259 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương chi nhánh Bình Dương cho Công ty B. Tuy nhiên, từ khi thanh toán số tiền trên cho đến nay Công ty B không thực hiện thi công công trình trên theo hợp đồng.

Xét chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng số WY-XY 20190604001 ngày 04/6/2019 được lập bằng tiếng Trung Quốc đối chiếu Điều 11 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định: "…Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng xây dựng là tiếng Việt; đối với hợp đồng xây dựng có yếu tố nước ngoài thì ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt và tiếng nước ngoài do các bên thỏa thuận lựa chọn; trường hợp không thỏa thuận được thì sử dụng tiếng Anh…". Do đó về hình thức hợp đồng là chưa phù hợp quy định pháp luật.

Xét ủy nhiệm chi ngày 11/6/2019 thể hiện nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn số tiền 331.730.000 đồng vào tài khoản số 0281000581259 tại Ngân hàng TMCP ngoại thương chi nhánh Bình Dương. Ngày 19/6/2020 Tòa án có công văn số 161/TA-KDTM yêu cầu Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam cung cấp bảng sao kê tài khoản số tài khoản 0281000581259 của Công ty B vào ngày 11/6/2019. Qua thông tin Ngân hàng cung cấp số tài khoản 0281000581259 là của Công ty TNHH Nam Phương Việt Nam, ngày 11/6/2019 số tài khoản trên có nhận được số tiền 331.730.000 đồng do Công ty A chuyển đến có nội dung Công ty A chuyển tiền hợp đồng số WY-XY 20190604001. Do đó có căn cứ xác định Công ty TNHH B đã nhận số tiền 331.730.000 đồng của Công ty A. Từ khi nhận tiền đến nay Công ty B không thực hiện thi công công trình theo hợp đồng nên có căn cứ buộc Công ty TNHH B phải trả lại số tiền trên cho Công ty A.

[5] Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy có đủ căn cứ xác định lời trình bày của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Xét thấy việc nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là thanh toán tiền thi công đợt 1 đúng như hợp đồng, bên phía bị đơn phải có nghĩa vụ thi công công trình theo hợp đồng nhưng bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ. Do vậy cần buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền đã nhận là 331.730.000 đồng.

Từ những nhận định trên, có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 129, 131, 385 và 407 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A (Việt Nam) đối với bị đơn Công ty TNHH một thành viên B về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công".

Buộc Công ty TNHH một thành viên B phải trả lại cho Công ty TNHH A (Việt Nam) số tiền 331.730.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH một thành viên B phải chịu 16.586.500 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH A (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.293.250 đồng (tám triệu hai trăm chín mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046173 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Nguyễn Thị Huệ